

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2011
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2011**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch
Ông Lại Việt Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Uy	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Kiên	Ủy viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trí Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Cao Châu Tuệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lại Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đỗ Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Uy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 08/04/2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Trần Việt Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 08 năm 2011

Số: 2460/2011/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến
ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 08 năm 2011 từ trang 5 đến trang 31 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV
Ngày 26 tháng 08 năm 2011

Phạm Tiến Dũng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 01 - DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.004.778.922.830	3.016.068.667.728
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		28.065.780.156	189.996.553.034
1. Tiền	111	V.1	28.065.780.156	189.996.553.034
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	240.591.019.080	660.968.165.739
1. Đầu tư ngắn hạn	121		240.591.019.080	660.968.165.739
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.260.067.877.873	1.567.910.713.179
1. Phải thu khách hàng	131		199.561.703.233	201.829.799.257
2. Trả trước cho người bán	132		1.022.223.619.417	1.321.979.785.755
5. Các khoản phải thu khác	135		39.284.224.113	44.101.128.167
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.001.668.890)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	307.310.093.646	294.442.465.957
1. Hàng tồn kho	141		307.310.093.646	294.442.465.957
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		168.744.152.075	302.750.769.819
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.636.942.210	642.857.189
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.073.194.402	5.191.439.559
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		43.174.677	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	154.990.840.786	296.916.473.071
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.759.141.351.784	2.577.533.182.872
II. Tài sản cố định	220		1.812.181.890.164	1.758.693.036.570
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	344.357.672.957	380.322.964.081
- Nguyên giá	222		485.896.237.012	485.060.287.292
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(141.538.564.055)	(104.737.323.211)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	37.042.389.641	36.213.558.187
- Nguyên giá	228		39.159.180.858	37.708.380.858
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.116.791.217)	(1.494.822.671)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	1.430.781.827.566	1.342.156.514.302
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		645.401.929.592	509.644.436.211
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.8	450.164.265.905	458.328.560.211
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	217.131.263.687	51.315.876.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(21.893.600.000)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		301.557.532.028	309.195.710.091
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	178.747.376.122	157.410.682.530
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.489.055.906	955.027.561
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.11	121.321.100.000	150.830.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.763.920.274.614	5.593.601.850.600

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.511.470.305.564	5.327.085.849.368
I. Nợ ngắn hạn	310		2.595.920.682.844	2.795.854.908.090
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	1.060.057.799.798	1.488.363.487.800
2. Phải trả người bán	312		79.102.224.311	220.249.594.605
3. Người mua trả tiền trước	313		1.344.580.821.391	178.841.911.160
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	24.058.027.015	21.589.986.862
5. Phải trả người lao động	315		11.836.286.873	10.400.063.406
6. Chi phí phải trả	316	V.14	13.553.464.941	83.437.104.069
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		57.402.573.534	792.972.760.188
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.329.484.981	-
II. Nợ dài hạn	330		1.915.549.622.720	2.531.230.941.278
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	1.915.286.335.145	2.438.935.709.166
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		263.287.575	263.287.575
8. Doanh thu ghi nhận trước	338		-	92.031.944.537
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		233.796.677.009	245.933.868.066
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	233.796.677.009	245.933.868.066
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.428.383.946	2.033.728.434
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		19.327.489.489	6.082.195.628
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		55.040.803.574	87.817.944.004
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		18.653.292.041	20.582.133.166
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.763.920.274.614	5.593.601.850.600

Trần Việt Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Đình Thuận
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 02 - DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.057.764.205.031	906.925.538.507
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18.998.761	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.057.745.206.270	906.925.538.507
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	907.385.140.725	810.706.941.329
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		150.360.065.545	96.218.597.178
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.691.147.799	9.017.125.094
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	81.682.140.984	36.668.043.931
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		56.309.841.847	34.932.349.494
8. Chi phí bán hàng	24		8.396.492.340	10.548.494.855
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		38.396.552.704	26.198.975.236
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39.576.027.316	31.820.208.250
11. Thu nhập khác	31		279.337.192	20.874.452.174
12. Chi phí khác	32		28.147.109.648	19.372.500.153
13. Lợi nhuận khác	40		(27.867.772.456)	1.501.952.021
14. Lãi/(lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết	45		(3.763.734.051)	2.802.039.500
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.944.520.809	36.124.199.771
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.741.253.152	7.933.637.192
17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52	VI.5	(534.028.345)	350.357.986
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.737.296.002	27.840.204.593
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(1.738.841.125)	883.203.654
18.2. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		4.476.137.127	26.957.000.939
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	298	1.797

Trần Việt Sơn
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 15 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Đình Thuận
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 03 - DN/HN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.306.925.231.132	542.455.137.010
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(497.665.329.660)	(821.538.296.286)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(25.962.198.277)	(19.335.845.169)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(181.671.577.904)	(45.710.928.242)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(14.440.828.160)	(3.335.188.317)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	844.319.305.672	1.120.626.389.730
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(666.255.812.090)	(1.513.741.098.886)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	765.248.790.713	(740.579.830.160)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(1.459.339.781)	(55.899.947.404)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	244.810.275	60.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.343.744.666)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.250.000.000)	(174.034.560.146)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.813.752.696	6.359.381.281
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.994.521.476)	(223.515.126.269)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	246.835.379.010	1.194.799.673.178
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.164.020.421.125)	(216.721.671.800)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(20.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(917.185.042.115)	977.613.001.378
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(161.930.772.878)	13.518.044.949
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	189.996.553.034	48.604.983.583
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	28.065.780.156	62.123.028.532

Trần Việt Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Đình Thuận
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014906 ngày 05 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được sửa đổi 10 lần. Lần sửa đổi cuối cùng là ngày 09 tháng 08 năm 2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi đến thời điểm lập báo cáo này số vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư kinh doanh các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị;
- Đầu tư kinh doanh các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình cấp thoát nước, công trình đường dây và trạm biến áp;
- Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc xây dựng (không tái chế phế thải, luyện kim, đúc, xi mạ điện);
- Vận tải vật tư, thiết bị ngành xây dựng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán điện;
- Trồng rừng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;
- Mua bán thiết bị máy công nghiệp, nguyên vật liệu sản xuất ngành công nghiệp và các thiết bị ngành xây dựng;
- Khai thác mỏ lộ thiên, khai thác và chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm); khoan tạo lỗ; khoan cọc nhồi và xử lý nền móng;
- Đầu tư, kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông;
- Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc ngành xây dựng, đồ trang trí nội ngoại thất;
- Tư vấn đầu tư xây dựng; chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Mua bán, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông, tự động hoá;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và dầu mỡ phụ;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm hàng hoá công ty kinh doanh;
- Kinh doanh các loại dịch vụ phục vụ khu đô thị, khu công nghiệp;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Lập dự án đầu tư các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Lập dự toán, thẩm định dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đến nhóm A;
- Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị đến nhóm A;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản gồm: Tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản, quảng cáo bất động sản, sàn giao dịch bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Các ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con, giữa các công ty con của Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Công ty có 3 công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- | | | |
|---|---|---|
| 1 - Tên Công ty | : | Công ty cổ phần Đầu tư và truyền thông Thăng Long |
| Địa chỉ | : | 163 Đường Nguyễn Tuân, Thành phố Hà Nội |
| Hoạt động chính | : | Là công ty hoạt động trong lĩnh vực truyền thông |
| Điện thoại | : | 04.35577919 Fax: 04.35577921 |
| Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/06/2011 | : | 11.000.000.000 đồng |
| Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ | : | 93,22% |
| Quyền biểu quyết của Công ty mẹ | : | 55% |
| 2 - Tên Công ty | : | Công ty TNHH Tư vấn Franken Nguyễn |
| Địa chỉ | : | Số 05, đường Liễu Giai, phường Liễu Giai,
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội |
| Hoạt động chính | : | Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp |
| Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/06/2011 | : | 1.313.656.221 đồng |
| Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ | : | 48,85% |
| Quyền biểu quyết của Công ty mẹ | : | 51% |
| 3 - Tên Công ty | : | Công ty Cổ phần Thăng Long Sài Gòn |
| Địa chỉ | : | Số 7A Lam Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình,
Thành phố Hồ Chí Minh |
| Hoạt động chính | : | Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp |
| Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/06/2011 | : | 49.000.000.000 đồng |
| Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ | : | 74,47% |
| Quyền biểu quyết của Công ty mẹ | : | 51% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc thiết bị	03 - 19
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản khác	03 - 07

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm

Chi phí trả trước dài hạn còn bao gồm tiền thuê đất của Văn phòng Công ty và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 50 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (tiếp)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	8.676.671.936	1.590.760.907
Tiền gửi ngân hàng	19.389.108.220	188.405.792.127
	28.065.780.156	189.996.553.034

2. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn		
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	9.166.580
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	33.602.091.166	26.562.949.067
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	18.000.000.000	503.146.925.819
Công ty CP Thép Thăng Long Kansai	120.290.833.420	120.290.833.420
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Vinh Phát	15.258.290.853	10.958.290.853
Công ty CP Thăng Long Sài Gòn	7.520.570.227	
Ngân hàng TMCP Quân Đội	20.069.233.414	
Ngân hàng TMCP Đại Á	25.850.000.000	
Cộng	240.591.019.080	660.968.165.739

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Hàng tồn kho

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.203.168.381	3.402.926.515
Công cụ, dụng cụ	8.677.157.904	1.389.031.905
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	290.045.274.472	286.717.447.364
Thành phẩm	1.449.157.608	384.055.000
Hàng hóa	-	2.549.005.173
Hàng gửi đi bán	935.335.281	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	307.310.093.646	294.442.465.957
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	307.310.093.646	294.442.465.957

4. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng thi công	142.872.217.480	292.758.327.200
Cầm cố, kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	12.118.623.306	4.158.145.871
	154.990.840.786	296.916.473.071

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ THĂNG LONG

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê
 Quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
 từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**5. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	21.222.524.822	425.162.584.998	26.235.315.753	4.207.172.607	8.232.689.112	485.060.287.292
Mua trong kỳ	227.000.000	210.100.000	-	288.851.175	68.344.000	794.295.175
Tăng khác		4.742.774.427	7.177.856.273	102.479.299	523.757.933	12.546.867.932
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(46.345.455)	-	(46.345.455)
Giảm khác	(1.081.653.824)	-	(10.420.093.117)	(921.120.991)	(36.000.000)	(12.458.867.932)
Tại ngày 30/06/2011	20.367.870.998	430.115.459.425	22.993.078.909	3.631.036.635	8.788.791.045	485.896.237.012
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	1.997.235.684	95.815.426.208	1.906.199.282	2.904.398.787	2.114.063.250	104.737.323.211
Khấu hao trong kỳ	1.131.935.715	32.363.728.670	2.042.373.398	506.177.464	761.254.434	36.805.469.681
Tăng khác	152.767.924	2.180.304	364.303.830	66.166.117	790.124.725	1.375.542.900
Thanh lý, nhượng bán				(3.862.122)		(3.862.122)
Giảm khác		(772.871.095)	(426.048.650)	(159.678.759)	(17.311.111)	(1.375.909.615)
Tại ngày 30/06/2011	3.281.939.323	127.408.464.087	3.886.827.860	3.313.201.487	3.648.131.298	141.538.564.055
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2011	19.225.289.138	329.347.158.790	24.329.116.471	1.302.773.820	6.118.625.862	380.322.964.081
Tại ngày 30/06/2011	17.085.931.675	302.706.995.338	19.106.251.049	317.835.148	5.140.659.747	344.357.672.957

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Giấy phép nhượng quyền VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	30.963.000.000	6.552.132.038	193.248.820	37.708.380.858
Mua trong kỳ	-	-	1.450.800.000	1.450.800.000
Tại ngày 30/06/2011	30.963.000.000	6.552.132.038	1.644.048.820	39.159.180.858
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	1.055.700.000	333.673.384	105.449.287	1.494.822.671
Khấu hao trong kỳ	217.464.882	182.003.664	222.500.000	621.968.546
Tại ngày 30/06/2011	1.273.164.882	515.677.048	327.949.287	2.116.791.217
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2011	29.907.300.000	6.218.458.654	87.799.533	36.213.558.187
Tại ngày 30/06/2011	29.689.835.118	6.036.454.990	1.316.099.533	37.042.389.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
DA chung cư tại Phường Tân Kiểng, Q7, TP HCM	283.257.467.468	281.190.294.477
DA Khu đô thị biển An Viên - Nha Trang	225.859.696.612	195.632.763.298
DA khách sạn 5 sao tại đường Lý Thường Kiệt - Tp. Huế	214.563.844.185	192.598.763.080
DA chung cư cao cấp Sao Mai tại đường 77, Q7, TP HCM	142.457.323.280	140.544.121.047
DA khách sạn tại 3B Phan Đình Phùng - Q. Hoàn Kiếm - HN	139.970.099.034	139.970.099.034
DA chung cư Phú Xuân - Nhà Bè - TP HCM	96.962.218.213	95.998.974.773
DA khu dân cư Đường Nguyễn Bình - TP HCM	4.103.554.030	92.530.529.014
DA Văn phòng cho thuê tại đường Yên Thế - TP HCM	57.784.008.250	57.784.008.250
DA khu công nghiệp bờ trái Hòa Bình	57.202.635.977	40.153.304.483
DA Văn Khê mở rộng	-	25.000.000.000
DA Cồn Tân Lập - Nha Trang	32.849.435.873	23.021.430.874
DA biệt thự tại TP. Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng	24.720.701.117	19.885.237.144
DA KDC Bắc Trần Hưng Đạo - Hòa Bình	19.327.474.914	18.792.879.276
Mua sắm TSCĐ	-	4.840.045.547
DA KĐT mới Phú Lãm - Hà Đông - HN	-	4.103.554.030
Xây dựng trạm trộn bê tông tại đường Nguyễn Bình - TP. HCM	-	3.444.669.529
Dự án khác	131.723.368.613	6.665.840.446
	<u>1.430.781.827.566</u>	<u>1.342.156.514.302</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty CP Sông Đà Bình Phước	20%	20%	20.165.684.547	20.165.684.547
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	20%	20%	55.265.091.519	53.050.931.860
Công ty CP Sông Đà - Thăng Long M	25%	25%	-	5.250.560.255
Công ty CP Bất động sản Thăng Long	40%	40%	24.972.975.070	24.972.975.070
Công ty CP Địa ốc Đất Vàng Việt	20%	20%	12.013.140.547	12.200.000.000
Công ty CP Sông Đà 207	21%	21%	30.460.266.472	32.215.867.442
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	20%	20%	18.806.555.304	20.018.183.648
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	35%	35%	3.514.362.981	4.320.000.000
Công ty TNHH KDTM dịch vụ Thăng Long	39%	39%	791.795.387	789.380.484
Công ty CP Sông Đà 1	38%	38%	29.123.514.034	24.999.993.810
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	30%	30%	63.132.288.552	65.028.330.468
Công ty CP Đầu tư phát triển Thăng Long	20%	20%	20.932.004.204	21.000.000.000
Công ty CP Thép Thăng Long Kansai	49%	49%	170.092.891.678	173.316.652.628
Công ty CP Khoáng sản Thăng Long	40%	40%	893.695.610	1.000.000.000
			450.164.265.905	458.328.560.211

9. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư cổ phiếu		
Công ty Du lịch Thương mại Thuận Phú	5.000.000.000	7.128.000.000
Công ty CP Sông Đà 11 - Thăng Long	7.128.000.000	5.000.000.000
Công ty Tài Chính CP Sông Đà	31.187.876.000	31.187.876.000
Đầu tư dài hạn khác		
Trường Tiểu học Chu Văn An	10.473.899.687	5.000.000.000
Trường mầm non Sao Khuê	6.841.488.000	3.000.000.000
Công ty cổ phần Sông Đà Thăng Long M	5.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Vân Phong	1.500.000.000	-
Công ty CP 353	150.000.000.000	-
Cộng	217.131.263.687	51.315.876.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ phục vụ xây lắp	159.769.876.129	124.478.000.304
Chi phí khác	18.977.499.993	32.932.682.226
Cộng	178.747.376.122	157.410.682.530

11. Tài sản dài hạn khác

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ký quỹ thực hiện dự án Khu dân cư số 1 Đà Lạt	20.000.000.000	50.000.000.000
Ký quỹ thực hiện dự án Khách sạn Phú Yên.	830.000.000	830.000.000
Ký quỹ thực hiện dự án Cồn Tân Lập	100.000.000.000	100.000.000.000
Kỹ quỹ thực hiện dự án D27	480.000.000	-
Khác	11.100.000	-
Cộng	121.321.100.000	150.830.000.000

12. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng NN và PTNN Bắc Hà Nội	85.569.916.000	126.628.885.917
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Mỹ Đình	210.989.000.000	210.593.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	186.240.000.000	248.195.700.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	320.000.000.000	320.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Á	58.676.501.883	68.470.501.883
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	180.000.000.000	504.875.400.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	-	5.800.000.000
Ngân hàng TMCP ACB - CN Cộng Hoà	10.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP ACB - CN Lâm Đồng	2.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Lào	3.273.081.915	-
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	-	-
Khoản vay khác	3.309.300.000	3.800.000.000
Cộng	1.060.057.799.798	1.488.363.487.800

Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Hà Nội:
- Hợp đồng tín dụng số 1440-LAV - 201000739 ngày 31/5/2010 với thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo lãi suất thị trường. Khoản vay trên được dùng để thanh toán chi phí văn phòng, nguyên vật liệu cho các nhà thầu. Tổng giá trị hợp đồng là 82,5 tỷ đồng;
 - Hợp đồng tín dụng số 1440-LAV - 200900678 ngày 31/3/2009 với thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo lãi suất thị trường. Khoản vay trên được dùng để thanh toán chi phí liên quan đến đầu tư xây dựng Toà nhà CT4 - 108 Dự án KĐT mới Văn Khê. Tổng giá trị hợp đồng là 123 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp)

Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Mỹ Đình theo hợp đồng tín dụng số 107.10.011.462999.TD ngày 23/6/2010. Khoản vay trên được dùng để bổ sung vốn để thực hiện thanh toán các chi phí xây lắp công trình CT2 - KĐT Văn Khê mở rộng. Tổng giá trị hợp đồng là 350 tỷ đồng.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 11/10/HDTD -TM - HM/II.10 ngày 09/06/2010 với thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay trên được dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công Dự án Usilk City. Tổng giá trị hợp đồng là 300 tỷ đồng với tài sản thế chấp là tòa nhà 104 -CT1 thuộc dự án Usilk City hình thành trong tương lai.
- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn Số 412/HDTDNH - PN/SHB/SĐTL ngày 28/9/2010 với thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay trên được dùng để thanh toán các hạng mục đã thi công và tạm ứng cho các hợp đồng đang thi công của Dự án Văn Khê mở rộng. Tổng giá trị hợp đồng là 350 tỷ đồng.
- (v) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại Á theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số CK10/0087/TPHN ngày 25/8/2010 với thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay trên được dùng để thanh toán các chi phí xây dựng và chi phí thiết bị cho các toà nhà 101, 102, 103 cụm CT1 Dự án Usilk City tại Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội. Tổng giá trị hợp đồng là 70 tỷ đồng với tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bất động sản tại KĐT mới Văn Khê và tài sản gắn liền trên đất số BA 495726.
- (vi) Vay ngắn hạn Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà:
 - Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 00200051/001/10/NH ngày 20/01/2010 với thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo thông báo của từng lần nhận nợ. Khoản vay trên được dùng để bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh. Tổng giá trị hợp đồng là 200 tỷ đồng, với tài sản thế chấp là toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VNĐ và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác;
 - Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 00200051/014/10/NH ngày 26/04/2010 với thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo thông báo của từng lần nhận nợ. Khoản vay trên được dùng để bù đắp thiếu hụt tài chính tạm thời. Tổng giá trị hợp đồng là 200 tỷ đồng, với tài sản thế chấp là toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VNĐ và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.
- (vii) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Liên doanh Lào Việt - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 17 tháng 01 năm 2011, với thời hạn vay là 9 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được dùng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Tổng giá trị hợp đồng vay là 6 tỷ đồng, với tài sản thế chấp là Quyền Sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 100 - 100A đường số 77, Phường Tân Quy, Quận 07, TP HCM (giá trị định giá là 7,826 tỷ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT	21.498.701.562	3.529.747.497
Thuế thu nhập doanh nghiệp	341.463.751	11.470.962.452
Thuế thu nhập cá nhân	943.616.681	2.305.773.996
Các loại thuế khác	1.274.245.021	4.283.502.917
Cộng	24.058.027.015	21.589.986.862

14. Chi phí phải trả

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí dự án	-	20.113.178.387
Chi phí lãi vay phải trả	1.335.453.058	59.522.432.556
Chi phí bốc dỡ thép và lưu kho bãi	-	2.930.064.558
Chi phí phải trả khác	12.218.011.883	871.428.568
Cộng	13.553.464.941	83.437.104.069

15. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng NN&PTNT Bắc HN	1.030.900.000	18.398.579.099
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	36.435.724.235	48.507.470.679
Ngân hàng TMCP Đại Á	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Tài chính CP Điện Lực	138.174.959.600	304.041.984.500
Ngân hàng Quân Đội - CN Mỹ Đình	106.819.251.310	95.656.200.000
Ngân hàng An Bình	-	20.000.000.000
Công ty TNHH ĐT BĐS Anh Phương	2.508.500.000	10.000.000.000
Vay vốn các cá nhân	-	311.964.674.888
Trái phiếu công ty	1.600.000.000.000	1.600.000.000.000
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt	317.000.000	-
Vay dài hạn khác	-	366.800.000
Cộng	1.915.286.335.145	2.438.935.709.166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Vay và nợ dài hạn

Chi tiết các hợp đồng vay dài hạn như sau:

- (i) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1440-LAV - 200900868 ngày 12/05/2009, với thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo lãi suất thị trường. Khoản vay trên được dùng để thanh toán các chi phí thuộc dự án đầu tư máy khoan cọc nhồi phục vụ thi công Dự án KĐT Văn Khê mở rộng. Tổng giá trị hợp đồng là 27 tỷ đồng, với tài sản thế chấp là giá trị máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư máy khoan cọc nhồi phục vụ thi công Dự án KĐT Văn Khê mở rộng được hình thành từ vốn vay theo hợp đồng tín dụng này.
- (ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1085/HDTD/TH-PN/TCB ngày 13/3/2009 với thời hạn vay 3 năm, kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được dùng để mua máy khoan cọc nhồi và được đảm bảo bởi tài sản được hình thành từ vốn vay.
- (iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đại Á theo hợp đồng tín dụng số CK 10/0088/TPHN ngày 25/8/2010 với thời hạn vay là 18 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay trên được dùng để thanh toán các chi phí xây dựng và chi phí thiết bị cho các toà nhà 101, 102, 103 cụm CT1 Dự Án Usilk city tại Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội. Tổng giá trị hợp đồng là 30 tỷ đồng, với tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bất động sản tại KĐT mới Văn Khê và tài sản khác gắn liền với đất số BA 495726.
- (iv) Vay dài hạn từ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực:
 - Hợp đồng tín dụng số 0035/2009/HDTD - TH - DN/TCĐL ngày 03/08/2009 với thời hạn vay là 5 năm, kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được dùng để thanh toán chi phí nhập khẩu máy, thiết bị cho dự án "Đầu tư thiết bị thi công trồng cây dự án KĐT Văn Khê mở rộng". Tổng giá trị hợp đồng là 11,608 triệu đồng, với tài sản thế chấp là tài sản được hình thành từ vốn vay;
 - Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 52/2009/HDTD - TH - DN/TCĐL ngày 03 tháng 08 năm 2009 với thời hạn vay là 3 năm, kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được dùng để thanh toán chi phí xây lắp thiết bị, chi phí XDCB khác cho KĐT CT1 thuộc dự án Usilk City. Tổng giá trị hợp đồng là 300 tỷ đồng, với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất dự án Usilk city và các công trình cơ sở hạ tầng gắn liền với đất hình thành bằng vốn vay đầu tư huy động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Vay và nợ dài hạn

(v) Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình

- Hợp đồng tín dụng số 9.09.011.462999.TD ngày 25/11/2009, với thời hạn vay là 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo lãi suất thông báo của Ngân hàng. Khoản vay này được dùng để thanh toán tiền mua 04 lô đất biệt thự 14,16,18,20 đường Lý Thường Kiệt - TP Huế theo quyết định đấu giá của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 29/10/2009. Tổng giá trị hợp đồng là 120 tỷ đồng, với tài sản thế chấp là tài sản trên đất và 04 lô đất 14.16.18.20 tại đường Lý thường Kiệt - Tp. Huế;
- Hợp đồng tín dụng số 106.10.011.462999.TD ngày 19/7/2010, với thời hạn vay là 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo lãi suất thông báo của Ngân hàng. Khoản vay này được dùng để bổ sung vốn phục vụ cho việc thanh toán chi phí mua sắm, lắp đặt thiết bị: 06 cầu tháp, 04 cần bơm bê tông, 08 vận thăng đơn thuộc dự án nâng cao thiết bị năm 2010. Tổng giá trị hợp đồng là 122 tỷ đồng, với tài sản thế chấp là tài sản được hình thành từ vốn vay.

(vi) Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP An Bình theo hợp đồng tín dụng số số 003/09/HDTD - TDH/II.10 ngày 08/07/2009, với thời hạn vay là 18 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được dùng để thanh toán hạng mục khoản cọc của toà nhà 104 - CT1 Dự án Usilk city. Tổng giá trị hợp đồng là 100 tỷ đồng, với tài sản thế chấp là toà nhà 104 - CT1 Usilk city hình thành trong tương lai.

(vii) Vay dài hạn Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Anh Phương theo hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐVV - Q7 ngày 09/10/2009, với thời hạn vay là 18 tháng và chịu lãi suất theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được dùng để phục vụ sản xuất kinh doanh. Tổng giá trị hợp đồng là 2.367.000 USD và không có tài sản thế chấp. Trong hợp đồng vay nêu rõ người cho vay được quyền ưu tiên mua căn hộ của Dự án chung cư cao cấp đường 77- Thành phố Hồ Chí Minh.

(viii) Khoản vay từ các cá nhân với lãi suất huy động của Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam và không có tài sản đảm bảo. Trong hợp đồng vay nêu rõ người cho vay sẽ được quyền mua căn hộ tại khu đô thị Usilk City hoặc nhận tiền lãi tại thời điểm đáo hạn của hợp đồng vay.

(ix) Trái phiếu phát hành với thời hạn 36 tháng, lãi suất điều chỉnh 1 năm 1 lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ THĂNG LONG

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê
Quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**16. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2010	100.000.000.000	16.000.000.000	(29.159.593)	6.933.728.434	5.089.365.570	45.708.338.040	173.702.272.451
Tăng vốn	50.000.000.000	(16.000.000.000)		(14.000.000.000)	-	(20.000.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	80.426.186.070	80.426.186.070
Trích các quỹ	-	-	-	9.100.000.000	5.000.000.000	(17.830.580.106)	(3.730.580.106)
Tăng khác	-	-	29.159.593	-	-	-	29.159.593
Giảm khác	-	-	-	-	(4.007.169.942)	(486.000.000)	(4.493.169.942)
Tại 01/01/2011	150.000.000.000	-	-	2.033.728.434	6.082.195.628	87.817.944.004	245.933.868.066
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	4.476.137.127	4.476.137.127
Trích các quỹ	-	-	-	7.394.655.512	14.789.311.023	(37.253.277.557)	(15.069.311.022)
Chi các quỹ	-	-	-	-	(1.544.017.162)	-	(1.544.017.162)
Tại 30/06/2011	150.000.000.000	-	-	9.428.383.946	19.327.489.489	55.040.803.574	233.796.677.009

Trong kỳ, Công ty trích các Quỹ và chi cổ tức theo Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty ngày 23 tháng 4 năm 2011. Theo đó, Công ty trả cổ tức với tỷ lệ 20% vốn điều lệ (tương đương 30 tỷ đồng), trích lập Quỹ đầu tư phát triển 20%, trích Quỹ dự phòng tài chính 40%, trích kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 280 triệu đồng và trích Quỹ khen thưởng phúc lợi là 14.789.311.022 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.057.764.205.031	906.925.538.507
Trong đó		
Doanh thu KDTM và cung cấp dịch vụ	237.777.651.970	111.722.676.856
Doanh thu kinh doanh bất động sản	812.320.061.240	509.616.532.613
Doanh thu hoạt động xây lắp	4.281.840.704	91.189.702.609
Doanh thu khác	3.384.651.117	194.396.626.429
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
	<u>1.057.764.205.031</u>	<u>906.925.538.507</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn KDTM và cung cấp dịch vụ	237.076.205.172	106.064.362.044
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	663.647.071.270	424.321.917.972
Giá vốn hoạt động xây lắp	2.899.331.850	85.924.034.884
Giá vốn khác	3.762.532.433	194.396.626.429
	<u>907.385.140.725</u>	<u>810.706.941.329</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.929.425.346	2.555.757.979
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.460.530.556	4.667.231.927
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	219.434.453	948.651.856
Doanh thu hoạt động tài chính khác	481.757.444	845.483.332
	<u>20.091.147.799</u>	<u>9.017.125.094</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	56.309.844.847	34.932.349.494
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	250.560.255	1.448.192.145
Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	3.226.484.575	29.940.659
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	21.893.600.000	7.333.333
Chi phí tài chính khác	1.651.307	250.228.300
Cộng	81.682.140.984	36.668.043.931

5. Thu nhập (Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	289.416.001
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	355.764.712	60.941.985
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(889.793.057)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(534.028.345)	350.357.986

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.476.137.127	26.957.000.939
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.476.137.127	26.957.000.939
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	298	1.797
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

Trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010, Công ty thực hiện bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu với số tiền là 50.000.000.000 đồng (tương đương 5.000.000 cổ phần) từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 sẽ được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của yếu tố trên như sau:

	<u>Trước điều chỉnh</u> <u>VND</u>	<u>Sau điều chỉnh</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	26.957.000.939	26.957.000.939
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	26.957.000.939	26.957.000.939
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	10.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.696	1.797
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	-	205.805.592.539
Công ty CP Sông Đà - Bình Phước	13.560.169.662	9.706.918.008
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	39.912.350.885	7.695.137.731
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	20.163.245.746	11.026.524.227
Công ty CP Sông Đà 207	12.619.879.875	9.411.747.776
Công ty CP Sông Đà 1	15.804.079.297	4.038.222.067
Công ty Đầu tư phát triển Thăng Long	44.123.047.907	375.622.787
	146.182.773.372	42.254.172.596
Mua hàng		
Công ty CP Sông Đà - Bình Phước	17.258.938.309	26.595.867.775
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	6.522.649.376	11.504.501.004
Công ty CP Sông Đà Thăng Long M	-	14.124.766.776
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	-	1.740.082.927
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	30.864.476.783	12.204.606.119
Công ty CP Sông Đà 207	9.959.437.762	72.819.097.317
Công ty CP TNHH KD DV TM Thăng Long	20.000.000	2.736.690.493
Công ty CP Địa ốc Đất Vàng Việt	1.565.171.000	2.624.384.974
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	3.900.251.259	54.818.961.018
Công ty CP Thép Thăng Long Kanssai	43.677.135.530	-
	113.768.060.019	138.988.921.918
Số dư với các bên liên quan như sau:		
	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Tư vấn Franken Nguyễn		
Công ty CP Sông Đà - Bình Phước	31.502.215.292	34.282.846.288
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	120.671.924	100.000.000.000
Công ty CP Bất động sản Thăng Long	-	5.624.098.571
Công ty CP Sông Đà Thăng Long M	-	19.906.861.794
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	124.313.033.284	85.275.596.114
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	49.139.262.324	33.239.956.329
Công ty CP Địa ốc Đất Vàng Việt	-	82.396.851.119
Công ty CP TNHH KD DV TM Thăng Long	25.493.341.000	24.841.509.000
Công ty CP Sông Đà 1	72.290.039.292	58.182.080.696
Công ty Đầu tư Phát triển Thăng Long	83.150.176.156	42.716.453.156
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	76.481.078.179	44.021.005.163
Công ty CP Thép Thăng Long Kanssai	182.079.940.723	86.088.996.686
Công ty CP Thăng Long Sài Gòn	-	-
Công ty CP Sông Đà 207	3.954.448.147	-
	648.524.206.321	616.576.254.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Số dư với các bên liên quan như sau:

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Công ty CP đầu tư và truyền thông Thăng Long	6.556.227.955	11.603.670.111
Công ty TNHH Tư vấn Franken Nguyễn	-	
Công ty CP Thăng Long Sài Gòn	-	200.000.000
Công ty CP Sông Đà - Bình Phước	-	807.743.272
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	-	247.225.061.300
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	-	58.877.081.615
Công ty CP Sông Đà 207	-	46.490.307.723
Công ty CP Địa ốc Đất Vàng Việt	-	1.589.870.500
Công ty CP Sông Đà 1	-	6.674.065.455
Công ty Đầu tư Phát triển Thăng Long	-	12.480.244.890
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	-	44.928.927.684
	6.556.227.955	430.876.972.550

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2011 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Trần Việt Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Đình Thuận
Kế toán trưởng